

KẾT QUẢ XÉT TUYỂN ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ TIẾN SĨ, ĐỢT THÁNG 04 NĂM 2014

(Kèm theo Thông báo số 629 /ĐHTN-SDH ngày 21 tháng 05 năm 2014 của Giám đốc Đại học Thái Nguyên)

TT	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Chuyên ngành dự thi	ĐK Ngoại ngữ trước khi dự tuyển	Điểm bài luận	Xếp loại	Ghi chú
1.	Hoàng Hải Hiếu	Nam	04/11/1990	Thái Nguyên	Khoa học cây trồng	Chứng chỉ TA B1	83,0	Khá	Cử nhân
2.	Dương Ngọc Hưng	Nam	07/06/1978	Hải Dương	Khoa học cây trồng	Chứng chỉ TA B1	79,0	Khá	Cử nhân
3.	Đỗ Thị Thử	Nữ	20/03/1975	Thái Nguyên	Khoa học cây trồng	VB2 Tiếng Anh	66,8	Trung bình	ThS
4.	Vi Xuân Học	Nam	05/04/1970	Tuyên Quang	Khoa học cây trồng	Chứng chỉ TA B1	75,3	Khá	ThS
5.	Nguyễn Thế Cường	Nam	15/10/1975	Thái Nguyên	Khoa học cây trồng	VB2 Tiếng Anh	89,4	Khá	ThS
6.	Nguyễn Thị Xuyến	Nữ	06/02/1984	Thái Nguyên	Khoa học cây trồng	TOEFL 473	83,4	Khá	Cử nhân
7.	Nguyễn Thị Quyên	Nữ	16/07/1985	Vĩnh Phú	Ký sinh trùng và Vi sinh vật học thú y	Chứng chỉ TA B1	95,0	Xuất sắc	ThS
8.	Đào Thị Thu Hà	Nữ	01/10/1989	Tuyên Quang	Kỹ thuật lâm sinh	Chứng chỉ TA B1	77,0	Khá	ThS
9.	Ngô Xuân Hải	Nam	17/02/1965	Thái Nguyên	Kỹ thuật lâm sinh	Chứng chỉ TA B1	85,8	Khá	ThS
10.	Trần Xuân Đức	Nam	15/06/1980	Hà Tĩnh	Quản lý đất đai	Chứng chỉ TA B1	83,6	Khá	ThS
11.	Ninh Văn Quý	Nam	15/09/1983	Thái Nguyên	Quản lý đất đai	Chứng chỉ TA B1	85,7	Khá	ThS
12.	Đặng Thị Hồng Phương	Nữ	22/10/1983	Nam Định	Khoa học môi trường	Chứng chỉ TA B1	92,5	Xuất sắc	ThS

KẾT QUẢ XÉT TUYỂN ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ TIẾN SĨ, ĐỢT THÁNG 04 NĂM 2014

(Kèm theo Thông báo số 629 /ĐHTN-SDH ngày 21 tháng 05 năm 2014 của Giám đốc Đại học Thái Nguyên)

TT	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Chuyên ngành dự thi	ĐK Ngoại ngữ trước khi dự tuyển	Điểm bài luận	Xếp loại	Ghi chú
13.	La Thị Cẩm Vân	Nữ	24/04/1985	Thái Nguyên	Khoa học môi trường	Chứng chỉ TA B1	67,0	Trung bình	ThS
14.	Nguyễn Thị Minh Huệ	Nữ	30/01/1985	Bắc Thái	Khoa học môi trường	VB2 Tiếng Anh	76,9	Khá	ThS
15.	Nguyễn Văn Giáp	Nam	04/02/1977	Hà Nội	Khoa học môi trường	Chứng chỉ TA B1	86,0	Khá	ThS
16.	Nguyễn Hoài Bắc	Nam	21/10/1974	Thái Nguyên	Vệ sinh xã hội học và tổ chức y tế	Chứng chỉ TA B1	92,9	Xuất sắc	ThS
17.	Lê Thị Thanh Hoa	Nữ	24/09/1984	Thái Nguyên	Vệ sinh xã hội học và tổ chức y tế	Chứng chỉ TA B1	95,8	Xuất sắc	ThS
18.	Nông Phương Mai	Nữ	05/08/1976	Hà nội	Vệ sinh xã hội học và tổ chức y tế	Chứng chỉ TA B1	90,0	Xuất sắc	ThS
19.	Phùng Ngọc Tám	Nam	22/02/1966	Bến Tre	Vệ sinh xã hội học và tổ chức y tế	Chứng chỉ TA B2	92,3	Xuất sắc	ThS
20.	Ngô Thuý Hà	Nữ	17/10/1979	Tuyên Quang	Nội tiêu hóa	Chứng chỉ TA B1	86,5	Khá	ThS
21.	Lê Thị Thu Hiền	Nữ	02/09/1974	Thái Nguyên	Nội tiêu hóa	VB2 Tiếng Anh	89,0	Khá	ThS
22.	Đoàn Anh Thắng	Nam	30/08/1977	Sơn La	Nội tiêu hóa	Chứng chỉ TA B1	89,0	Khá	ThS
23.	Nông Thị Tuyền	Nữ	26/03/1976	Thái Nguyên	Nội tiêu hóa	VB2 Tiếng Anh	86,0	Khá	ThS
24.	Đỗ Thị Thu Giang	Nữ	06/07/1970	Hà Giang	Nhi khoa	Chứng chỉ TA B1	85,9	Khá	ThS

KẾT QUẢ XÉT TUYỂN ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ TIẾN SĨ, ĐỢT THÁNG 04 NĂM 2014

(Kèm theo Thông báo số 629 /ĐHTN-SDH ngày 21 tháng 05 năm 2014 của Giám đốc Đại học Thái Nguyên)

TT	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Chuyên ngành dự thi	ĐK Ngoại ngữ trước khi dự tuyển	Điểm bài luận	Xếp loại	Ghi chú
25.	Nguyễn Hồng Quang	Nam	08/02/1979	Hà Nội	Kỹ thuật điều khiển và Tự động hóa	Chứng chỉ TA B1	90,0	Xuất sắc	ThS
26.	Đỗ Công Thành	Nam	20/06/1981	Thái Nguyên	Kỹ thuật điều khiển và Tự động hóa	VB2 Tiếng Anh	90,6	Xuất sắc	ThS
27.	Phan Hoàng Tuấn	Nam	23/10/1986	Thái Nguyên	Hóa sinh học	Chứng chỉ TA B1	66,0	Trung bình	ThS
28.	Nguyễn Ngọc Hoa	Nữ	06/12/1985	Thái Nguyên	Quản lý kinh tế	VB2 Tiếng Anh	95,0	Xuất sắc	ThS
29.	Nguyễn Thanh Tú	Nam	06/11/1985	Hà Nội	Quản lý kinh tế	VB2 Tiếng Anh	87,0	Khá	ThS
30.	Phạm Thị Vân Khánh	Nữ	29/04/1977	Thái Nguyên	Quản lý kinh tế	Chứng chỉ TA B1	96,0	Xuất sắc	ThS
31.	Lê Ngọc Nương	Nữ	10/10/1985	Thái Nguyên	Quản lý kinh tế	VB2 Tiếng Anh	93,75	Xuất sắc	ThS
32.	Nguyễn Xuân Quang	Nam	27/11/1979	Bắc Ninh	Quản lý kinh tế	Chứng chỉ TA B1	87,0	Khá	ThS
33.	Ngô Thị Huyền Trang	Nữ	29/09/1987	Thái Nguyên	Quản lý kinh tế	Chứng chỉ TA B1	87,0	Khá	ThS
34.	Phạm Thị Hạnh	Nữ	20/01/1983	Thái Bình	Quản lý kinh tế	Chứng chỉ TA B1	91,0	Xuất sắc	ThS
35.	Nguyễn Văn Thịnh	Nữ	25/04/1983	Thái Nguyên	Quản lý kinh tế	IELTS 7.5	96,1	Xuất sắc	ThS
36.	Phùng Thị Thu Hà	Nữ	28/12/1988	Thái Nguyên	Quản lý kinh tế	VB2 Tiếng Anh	76,1	Khá	ThS

KẾT QUẢ XÉT TUYỂN ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ TIẾN SĨ, ĐỢT THÁNG 04 NĂM 2014

(Kèm theo Thông báo số 629 /ĐHTN-SDH ngày 21 tháng 05 năm 2014 của Giám đốc Đại học Thái Nguyên)

TT	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Chuyên ngành dự thi	ĐK Ngoại ngữ trước khi dự tuyển	Điểm bài luận	Xếp loại	Ghi chú
37.	Bùi Thị Thu Hương	Nữ	02/04/1986	Thái Nguyên	Quản lý kinh tế	VB2 Tiếng Anh	88,0	Khá	ThS
38.	Vũ Quỳnh Nam	Nữ	12/04/1983	Thái Nguyên	Quản lý kinh tế	VB2 Tiếng Anh	91,8	Xuất sắc	ThS
39.	Nguyễn Đức Lực	Nam	04/07/1973	Thái Nguyên	Quản lý kinh tế	Chứng chỉ TA B1	95,0	Xuất sắc	ThS
40.	Dương Thanh Tình	Nữ	17/11/1976	Vĩnh Phúc	Quản lý kinh tế	TOEFL 483	92,6	Xuất sắc	Cử nhân
41.	Trần Thị Thanh Xuân	Nữ	17/02/1978	Thái Nguyên	Quản lý kinh tế	Chứng chỉ TA B1	93,75	Xuất sắc	ThS
42.	Đỗ Đức Thông	Nam	14/06/1978	Thanh Hóa	LL&PP dạy học bộ môn Toán	Chứng chỉ TA B1	87,3	Khá	ThS
43.	Nguyễn T. Thanh Huyền	Nữ	05/08/1985	Hòa Bình	Toán Giải tích	Chứng chỉ TA B1	86,0	Khá	ThS
44.	Trần Quang Hiệu	Nam	21/04/1990	Thái Nguyên	LL&PP dạy học bộ môn Vật lý	Chứng chỉ TA B1	83,5	Khá	ThS
45.	Lê Chí Nguyễn	Nam	22/12/1964	Ninh Bình	LL&PP dạy học bộ môn Vật lý	Chứng chỉ TA B1	82,2	Khá	ThS
46.	Khổng Mạnh Tuấn	Nam	08/03/1976	Vĩnh Phúc	LL&PP dạy học bộ môn Vật lý	Chứng chỉ TA B1	80,0	Khá	ThS
47.	Lê Thị Như Nguyệt	Nữ	13/12/1985	Thái Nguyên	Ngôn ngữ Việt Nam	VB2 Tiếng Anh	90,0	Xuất sắc	ThS
48.	Phạm Đức Khiêm	Nam	10/10/1962	Tp. Hồ Chí Minh	Lý luận và Lịch sử giáo dục	Chứng chỉ TA B1	87,0	Khá	ThS

KẾT QUẢ XÉT TUYỂN ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ TIẾN SĨ, ĐỢT THÁNG 04 NĂM 2014

(Kèm theo Thông báo số 629 /ĐHTN-SDH ngày 21 tháng 05 năm 2014 của Giám đốc Đại học Thái Nguyên)

TT	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Chuyên ngành dự thi	ĐK Ngoại ngữ trước khi dự tuyển	Điểm bài luận	Xếp loại	Ghi chú
49.	Lê Thị Hoài Lan	Nữ	12/04/1979	Nghệ An	Lý luận và Lịch sử giáo dục	Chứng chỉ TA B1	58,0	Trung bình	ThS
50.	Trần Văn Mừng	Nam	02/04/1976	Tp. Hồ Chí Minh	Quản lý giáo dục	Chứng chỉ TA B1	69,0	Trung bình	ThS
51.	Nguyễn Thị Bích Ngọc	Nữ	09/05/1969	Hà Giang	Quản lý giáo dục	Chứng chỉ TA B1	79,0	Khá	ThS
52.	Trần Hoàng Tinh	Nam	13/09/1976	Hòa Bình	Quản lý giáo dục	Chứng chỉ TA B1	78,0	Khá	ThS
53.	Nguyễn Xuân Thành	Nam	27/03/1962	Phú Thọ	Quản lý giáo dục	Chứng chỉ TA B1	74,0	Trung bình	ThS

Danh sách có 53 người.